

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HS-ST
Ngày 26/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Hoanh;
Ông Đoàn Việt Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tuấn và bà Dương Thị Dư, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/8/2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2022/TLST-HS, ngày 22/7/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HS ngày 15/8/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu D, tên gọi khác: Không; sinh ngày 02/11/1977 tại tỉnh TN; HKTT và chỗ ở: Xóm AC, xã BX, thành phố SC, tỉnh TN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu H và bà Đồng Thị Ch; vợ là Nguyễn Thị L, có 03 con (Con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2012). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1968, trú tại: Thôn VK, xã LT, huyện NR, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

2. Anh Hoàng Văn G, trú tại: Thôn VK, xã LT, huyện NR, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

3. Ông Đỗ Đức Th, sinh năm 1975, trú tại: Tổ 7, phường XH, thành phố BK, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa. Có mặt tại phiên tòa;

4. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1982, trú tại: Thôn NL, xã LT, huyện NR, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa;

5. Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1979, trú tại: Tổ 3, phường XH, thành phố

BK, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

6. Ông Trần Hoài N, sinh năm 1969, trú tại: Tổ 13, phường ĐX, thành phố BK, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/03/2022 Công an huyện NR phối hợp với Công an xã KH, Công an và UBND xã LT tiến hành tuần tra trong Khu Bảo tồn thiên nhiên KH, huyện NR, phát hiện tại khu vực LPh, thuộc thôn NL, xã LT một điểm khai thác khoáng sản trái phép. Khi tổ tuần tra đến địa điểm khai thác thì các đối tượng đã bỏ trốn, qua kiểm tra phát hiện hai lán được làm bằng gỗ. Cụ thể như sau:

Lán trại số 1 có kích thước khoảng 2,5m x 3m, có phủ bạt, trong lán có các vật dụng cá nhân như chăn, quần áo. Phát hiện một căn cước công dân và một giấy phép lái xe đều mang tên Đỗ Đức Th. Cách lán số 1 khoảng 20m, phát hiện một hố khai thác khoáng sản trái phép, trên hố có dùng các khúc gỗ dài khoảng 2m che đậy lại.

Lán số 2 cách lán số 1 khoảng 50m, có kích thước khoảng 5m x 5m, không có bạt che. Tại vị trí chân cột lán gần khu vực bếp đun phát hiện và thu giữ: 10 (mười) thỏi hình trụ, vỏ ngoài màu nâu, dài khoảng 25cm, đường kính khoảng 03cm được bọc bên ngoài bằng 01 túi nilon màu trong suốt, nghi là vật liệu nổ, được niêm phong trong hộp cát tông ký hiệu A1 và 10 (mười) ống có hình trụ tròn, dài khoảng 5cm, đường kính khoảng 0,5cm được bọc bởi lớp kim loại màu trắng, một đầu được gắn 02 dây điện màu xanh, nghi là kíp nổ điện, niêm phong trong hộp cát tông ký hiệu A2.

Qua điều tra ban đầu xác định: ông Hoàng Văn B, sinh năm 1968, trú tại: Thôn VK, xã LT, huyện NR, người trông lán cho biết, ngày 15/02/2022, Nguyễn Văn Th trú tại thôn NL, xã LT gọi B lên khu rừng LP để nhận khoán bảo vệ rừng và trông lán, máy móc làm vàng. Những người cùng nhau làm vàng là Nguyễn Hữu D, sinh năm 1977, trú tại: Xóm AC, xã BX, thành phố SC, tỉnh TN là chủ lán, cùng người tên Th, N ở thành phố BK, Q người ĐH cùng hai người quê ở CB không biết họ tên và địa chỉ cụ thể. Đến ngày 04/3/2022 trạm Kiểm lâm LT phát hiện và lập biên bản đình chỉ việc khai thác vàng trái phép và hẹn đến ngày 08/3/2022 phải thu dọn đồ ra khỏi Khu Bảo tồn thiên nhiên KH nhưng chưa kịp dọn. Ngày 09/3/2022, tổ công tác tuần tra của huyện đến lập biên bản, thu giữ tang vật và chuyển toàn bộ hồ sơ và tang vật đến Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra đối với Nguyễn Hữu D xác định: Khoảng đầu tháng 02/2022, D phát hiện có một hang khai thác vàng cũ tại thôn NL, xã LT, huyện NR. Sau đó, D đã thuê ông Đỗ Đức Th, sinh ngày 13/10/1975, trú tại: Tổ 7 phường XH, thành phố BK và anh Hoàng Văn G, trú tại xã LT, huyện NR với mục đích khai thác vàng trái phép. Đến khoảng ngày 20/02/2022 D đã làm hai lán bằng gỗ và vận chuyển các công cụ, phương tiện đến khu vực khai thác vàng nêu trên. Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 09/03/2022, D một mình đi đến khu vực lán làm vàng. Khi đi đến đồi keo của ông Nông Tiến L, sinh năm 1948, trú tại Thôn VK, xã LT, huyện NR thì thấy một túi nilon

trong suốt đựng 10 (mười) thỏi thuốc nổ, bọc trong giấy màu nâu dài khoảng 20cm và 01 (một) túi nilon trong suốt có đựng 10 (mười) kíp điện. Sau đó, D đã mang số vật liệu nổ đến lán khai thác vàng cách đó khoảng 40m, cất giấu trên mặt sàn bên trong lán thứ 02 gần khu vực bếp, mục đích để khi nào cần thì mang ra sử dụng nổ để khai thác vàng trong hang. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, thì tổ tuần tra của Công an huyện NR phát hiện, lập biên bản thu giữ toàn bộ số vật liệu nổ trên.

Ngày 14/03/2022 Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh tiến hành khám nghiệm hiện trường tại khu vực Nguyễn Hữu D phát hiện và cất giấu vật liệu nổ. Hiện trường nơi D phát hiện vật liệu nổ là đồi trồng keo của ông Nông Tiến L và vị trí D tàng trữ vật liệu nổ là lán khai thác vàng số 2 tại khu rừng LP thuộc thôn NL, xã LT, huyện NR.

Tại biên bản mở niêm phong ngày 13/5/2022: Một hộp cát tông được niêm phong ký hiệu A1 bên trong có 01 túi bóng trong suốt, bên trong có 10 thỏi hình trụ tròn đồng nhất, dài 26cm, đường kính 3cm, được bọc bên ngoài bằng giấy màu nâu, bên trên mặt giấy có dòng chữ THUOC NO AMONIT AD1 AD1 - 31.032 (0,2KG).107.1.08-12-21.HSD: 06 THANG có tổng trọng lượng là 02 kg (hai kilogam), niêm phong lại trong hộp cát tông ký hiệu B1 gửi giám định; một hộp cát tông được niêm phong ký hiệu A2 có 10 ống kim loại màu trắng có chiều dài 4,5cm, mỗi ống có một đầu được nối với dây điện có vỏ màu xanh có chiều dài 2m, niêm phong lại trong hộp cát tông ký hiệu B2 gửi giám định.

Tại Bản kết luận giám định Số 1594/KL-KTHS, ngày 22/3/2022 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: Mẫu vật gửi giám định ký hiệu B1 đều là thuốc nổ công nghiệp Amônít, thường dùng trong khai khoáng, mở đường... Mẫu vật gửi giám định ký hiệu B2 đều là kíp nổ điện vỏ nhôm. Kíp nổ có tác dụng kích nổ thuốc nổ. Tất cả số kíp nổ, thuốc nổ công nghiệp Amônít trên đều thuộc nhóm vật liệu nổ và còn sử dụng được.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS-P1 ngày 21/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Hữu D về tội “*Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật hình sự năm 2015 (BLHS 2015)

Điều 305 Bộ luật hình sự quy định:

“ 1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.”

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS 2015 xử phạt bị cáo 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách nhân đôi. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận, ăn năn về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị HĐXX xem xét, cho hưởng mức án thấp nhất, để có điều kiện chăm sóc gia đình và sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 07 giờ ngày 09/3/2022 Nguyễn Hữu D một mình đi đến khu vực lán làm vàng tại khu rừng LP thuộc thôn NL, xã LT, huyện NR, tỉnh BK. Trên đường đi, D nhặt được 01 túi ni lon trong suốt đựng 10 (mười) gói thuốc nổ, có tổng khối lượng là 02kg (hai) kilogam và 10 (mười) kíp điện. D cầm đưa đến lán khai thác vàng cách đó khoảng 40 m, cất giấu trong lán thứ hai gần khu vực bếp. Đến 13 giờ cùng ngày tổ tuần tra của Công an huyện NR phát hiện, lập biên bản thu giữ toàn bộ số vật liệu nổ trên. Tại kết luận giám định số 1594/KL- KTHTS, ngày 22/3/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Mẫu vật gửi giám định ký hiệu B1...là thuốc nổ công nghiệp Amônít...; Mẫu vật gửi giám định ký hiệu B2 đều là kíp điện vỏ nhôm, kíp nổ có tác dụng kích nổ thuốc nổ. Tất cả số kíp nổ, thuốc nổ công nghiệp Amônít trên đều thuộc nhóm vật liệu nổ và còn sử dụng được.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hữu D về tội “*Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 305 BLHS 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn công cộng, vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý vật liệu nổ. Cần xử phạt nghiêm minh nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Ngoài ra, bị cáo có bố vợ là ông Nguyễn Văn Th được Nhà nước tặng Bằng có công với nước và Huân chương kháng chiến hạng nhất; có chị gái được tặng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục. Sau khi phạm tội, bị cáo tự nguyện nộp số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để khắc phục hậu quả, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51

BLHS 2015. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tại phiên tòa, đối chiếu với quy định tại Điều 65 BLHS 2015 và các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về hướng dẫn áp dụng án treo, thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Hữu D trước khi phạm tội có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo quy định. Do vậy, không cần thiết buộc bị cáo phải đi chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo.

[5] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, cần áp dụng hình phạt bổ sung là Phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Hữu D.

[6] Vật chứng: Tạm giữ số tiền bị cáo đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để thi hành án cho bị cáo.

[7] Các vấn đề khác: Đối với Đỗ Đức Th, Hoàng Văn B và Hoàng Văn G là người được Nguyễn Hữu D thuê để khai thác khoáng sản trái phép và trồng lán. Qua điều tra xác định, việc khai thác khoáng sản trái phép chưa diễn ra. Quá trình D thực hiện hành vi phạm tội, Th, B và G không biết, không liên quan đến việc vận chuyển, tàng trữ vật liệu nổ vào ngày 09/03/2022 của bị cáo D, nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Văn Th, Nguyễn Ngọc Q và Trần Hoài N là người quen biết với Nguyễn Hữu D. Qua điều tra xác định những người nói trên, không liên quan đến việc khai thác khoáng sản và tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ của D, nên không đặt vấn đề xử lý là đúng quy định.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu D phạm tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ”.

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã BX, thành phố SC, tỉnh TN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của

của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS 2015.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Hữu D 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tạm giữ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đã nộp theo biên lai số 0000073 ngày 11/8/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Hữu D.

3. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hữu D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Cơ quan ANĐT Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- THAHS;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Khánh Phương